

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN S-TP ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **69** /DSST
Ngày: 27/12/2023
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản
và đòi tiền biếu*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Đồng Tịnh

2. Ông Nguyễn Kim Thành

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Phương Dung - Cán bộ
Toà án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S: Bà Trần Thị Hương Thu – Kiểm sát
viên

Ngày 27 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà
Nẵng tiến hành xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 164A/2023/TLST-DS ngày 02
tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi tiền biếu*” theo
Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 164/2023/QĐST-DS ngày 21/11/2023 và quyết định
hoãn số 134 ngày 12/12/2023.

Nguyên đơn: Ông **Lã Xuân M (tên gọi khác: Mười)** - sinh năm: 1970 –Trú tại:
30 đường M, tổ 22 phường H, quận H, Đà Nẵng. Có mặt

Bị đơn: Bà **Lê Thị Kim L** – sinh năm: 1976; Trú tại phòng 511, tầng 5 chung cư
T, đường B, tổ 43 phường N, quận S, Đà Nẵng. Có mặt

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan: Bà **Nguyễn Thị Diệu L** – sinh năm: 1970
–Trú tại: 30 đường M, tổ 22 phường H, quận H, Đà Nẵng. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**- Theo đơn khởi kiện ngày 15/06/2023; bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay,
nguyên đơn ông Lã Xuân M trình bày:**

Ngày 06/02/2023 ông M lập một dây biếu gồm 12 người chơi biếu, bà L tham
gia hai chân biếu, 1 chân biếu đóng 400.000 đồng/ ngày, bà L chơi 2 chân nên đóng
800.000/ngày tương đương 24.000.000 đồng/tháng. Bà L đã nhận được tiền biếu là
288.000.000 đồng. Bà L đã đóng được 04 tháng tương đương với số tiền 96.000.000
đồng. Hình thức đóng tiền biếu bằng chuyển khoản qua tài khoản của ông M và nộp
tiền mặt cho bà L (vợ ông M). Từ tháng 6/2023 bà L không nộp biếu, tổng số tiền bà L
còn nợ biếu cho 08 tháng còn lại là 192.000.000 đồng.

Trong năm 2022, bà L nhiều lần vay tiền của vợ chồng ông M từ 50.000.000 đồng
– 100.000.000 đồng và sau đó cũng đã nhiều lần trả tiền. cụ thể ngày 03/5/2022 vay
150 triệu đồng, ngày 15/10/2022 vay 50 triệu đồng, ngày 10/12/2022 vay 100.000.000

đồng. (Trong đó số tiền bà L thực tế còn nợ là 100.000.000 đồng ký tháng 12/2022 và 50 triệu đồng nợ tháng 10/2022). Các giấy vay tiền không thỏa thuận về lãi nhưng thực tế có thỏa thuận miệng với nhau, bà L mới chỉ đóng 02 tháng tiền lãi sau đó không trả nữa. Từ đó đến nay số tiền nợ này bà L mới trả được 3.000.000 đồng, còn nợ lại là 147.000.000 đồng. Như vậy, số tiền biểu mà bà L nợ là 192.000.000 đồng và tiền nợ là 147.000.000 đồng. Tổng cộng tiền bà L còn nợ là 339.000.000 đồng. Ông M xác định khoản tiền cho bà L nợ là tiền chung của vợ chồng ông M. Việc ông M cho bà L tham gia dây biểu và việc bà L cho bà L mượn tiền có viết giấy thì ông M đều biết vì ông M là người trực tiếp giao tiền cho bà L. Ông M nhiều lần đến nhà yêu cầu bà L đóng tiền biểu và trả nợ nhưng bà L không trả mặc dù bà L có nhà, có xe nhưng không chịu bán để trả nợ mà vẫn còn thách ông M đi kiện. Tại đơn khởi kiện ông M yêu cầu bà L trả cho ông M số tiền 339.000.000 đồng. Tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa, ông M yêu cầu bà L trả cho vợ chồng ông M một lần toàn bộ số tiền 339.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi do số tiền cho vay và tham gia biểu đều là tiền chung của vợ chồng. Ngoài những khoản nợ này thì bà L không còn nợ khoản nợ nào khác

- Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và phiên tòa hôm nay bị đơn bà Lê Thị Kim L trình bày:

Bà L và vợ chồng ông M đã làm ăn với nhau mấy năm, vào đầu năm 2023 bà L có chân biểu do ông M là chủ biểu, mỗi người chơi đóng 12.000.000 đồng/tháng. Bà L tham gia 2 chân biểu đóng tiền biểu hàng tháng là 24.000.000 đồng, bà L đã đóng được 4 tháng với số tiền 96.000.000 đồng. Đến tháng 6/2023 bà L chưa đóng tiền vì những người vay nợ chưa trả tiền cho bà. Bà L đưa tiền mỗi ngày cho chị Linh ở ngoài chợ hoặc chuyển khoản cho ông M với số tiền 800.000 đồng/ ngày. Số tiền nợ biểu còn nợ của 8 tháng là 192.000.000 đồng.

Bà L có mượn ông M, bà L số tiền 150.000.000 đồng, bà L có viết giấy và ký xác nhận, ông M là người giao tiền cho bà L. Từ khi vay đến nay bà L đã trả được 3.000.000 đồng tiền gốc và trả được 04 tháng tiền lãi mỗi tháng là 7.500.000 đồng. Bà L xác định hiện nay có nợ ông M, bà L 339.000.000 đồng, trong đó 192 triệu đồng tiền biểu và 147 triệu đồng tiền vay. Nay bà xin trả mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Bà L xác định ngoài những khoản nợ này thì bà L không còn nợ khoản nợ nào khác

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Diệu Linh trình bày:

Do có mối quan hệ làm ăn ở chợ Tăng Bạt Hổ nên bà L có nhiều lần vay tiền của vợ chồng bà L số tiền từ 50.000.000 đồng – 100.000.000 đồng, mỗi lần vay lại đều ghi giấy nợ. Bà L cũng nhiều lần trả số tiền này và sau đó lại tiếp tục vay lại. Số tiền bà L còn nợ là 150.000.000 đồng có ghi giấy tờ do bà L viết, ký nhận. Hai bên không thỏa thuận về tiền lãi nhưng có thỏa thuận bằng miệng. Bà L mới trả được 02 tháng tiền lãi, mỗi tháng trả được 7.500.000 đồng, sau đó bà L không trả nợ lãi và tiền gốc nữa. Số tiền bà L vay 150.000.000 đồng thì bà L xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng, thực tế vào tháng 03/2023 bà L đã trả 1 tháng được 3.000.000 đồng. Số tiền còn nợ lại là 147.000.000 đồng. Bà L xác định tiền cho bà L vay là tiền chung của vợ chồng bà L, ông M là người trực tiếp giao tiền cho bà L mỗi lần bà L vay tiền.

Đối với việc chơi biểu: Ông M đứng ra lập dây biểu thì bà L biết, bà L tham gia 2 chân biểu và bà L là người đi thu tiền biểu mỗi ngày cho ông M và số tiền chơi biểu này cũng là tiền chung của vợ chồng bà L. Nay ông M yêu cầu bà L trả số tiền biểu là

192.000.000 đồng và tiền nợ là 147.000.000 đồng cho 2 vợ chồng bà. Bà L thống nhất và đề nghị bà L phải trả một lần tổng số tiền là 339.000.000 đồng. Ngoài những khoản nợ này thì bà L không còn nợ khoản nợ khác

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S phát biểu về sự tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự. Theo đó: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng pháp luật tố tụng, hòa giải, thu thập chứng cứ và mở phiên tòa xét xử. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật tố tụng.

Về nội dung: đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 280, Điều 463, Điều 466, điều 469, điều 471 Bộ luật dân sự 2015

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Kiện đòi tiền vay và đòi tiền biếu*" của ông Lã Xuân M đối với bà Lê Thị Kim L.

Buộc bà Lê Thị Kim L phải trả cho ông Lã Xuân M và bà Nguyễn Thị Diệu L một lần toàn bộ số tiền nợ và tiền biếu 339.000.000 đồng.

Về tiền lãi: Ông M không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà L phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp kiện đòi tiền và đòi tiền biếu giữa nguyên đơn ông Lã Xuân M với bị đơn bà Lê Thị Kim L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

Đối với việc tham gia chơi biếu: Ngày 06/02/2023 ông M lập một dây biếu gồm 12 người chơi biếu, bà L xin tham gia 2 chân biếu, ngày đóng 400.00 đồng/1 chân, bà L tham gia 2 chân nên phải đóng 800.000/ngày tương đương 24.000.000 đồng/tháng. Bà L hót hai 2 tháng đầu tiên nhận được tiền biếu là 288.000.000 đồng. Sau đó bà L đã đóng được 04 tháng biếu với số tiền 96.000.000 đồng. Hình thức đóng tiền biếu bằng chuyển khoản qua tài khoản của ông M và nộp tiền mặt cho bà L (vợ ông M). Từ tháng 6/2023 bà L không nộp biếu, tổng số tiền bà L còn nợ biếu cho 08 tháng còn lại là 192.000.000 đồng.

Đối với việc vay tiền: Trong năm 2022, bà L nhiều lần vay tiền của vợ chồng ông M từ 50.000.000 đồng – 100.000.000 đồng và sau đó cũng đã nhiều lần trả tiền, các giấy vay tiền bà L viết và ký xác nhận. Số tiền bà L thực tế còn nợ là 150.000.000 đồng. Trong các giấy vay tiền không thỏa thuận về lãi nhưng thực tế có thỏa thuận miệng với nhau, bà L mới chỉ đóng 02 tháng tiền lãi sau đó không trả nữa. Từ đó đến nay số tiền nợ này bà L mới trả được 3.000.000 đồng tiền gốc, số tiền vay còn nợ lại là 147.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông M yêu cầu bà L trả cho ông M, bà L một lần toàn bộ số tiền 339.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Bà L thống nhất yêu cầu khởi kiện của ông M. Còn bà L xác nhận có nợ ông M, bà L số tiền là 339.000.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Các bên đương sự đều xác định ngoài những khoản nợ này thì bà L không còn nợ khoản vay nào khác của vợ chồng ông M.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Việc vay tiền, tham gia chơi biêu giữa ông Lã Xuân M, bà Nguyễn Thị Diệu L và bà Lê Thị Kim L là có thật và hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ việc tham gia đây biêu và các giấy vay tiền đã ký kết. Căn cứ theo giấy vay tiền trên đều có đầy đủ chữ ký, chữ viết của bà L và việc bà L xác nhận có tham gia chơi biêu và chuyển khoản biêu hàng ngày của bà L cho ông M cũng như nộp tiền mặt trực tiếp cho bà L (vợ ông M) Đồng thời, tại bản tự khai ngày 04/10/2023 bà L xác nhận còn nợ vợ chồng ông M bà L số tiền vay và tiền biêu là **339.000.000** đồng có thể thấy bà L là bên vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận đã ký làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông M, bà L. Mặt khác, yêu cầu xin trả dần số nợ trên của bà L không được ông M, bà L chấp nhận. Do đó yêu cầu của nguyên đơn buộc bà Lê Thị Kim L phải trả một lần cho ông M, bà L số tiền **339.000.000** đồng là có cơ sở và phù hợp với Điều 280, 463, 466 Bộ luật dân sự.

[4] Về tiền lãi: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, ông M không yêu cầu tính tiền lãi do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của ông Lã Xuân M được chấp nhận nên bà Lê Thị Kim L phải chịu án phí dân sự theo quy định pháp luật trên số tiền 339.000.000 đồng còn nợ ông M là: $5\% \times 339.000.000 = 16.950.000$ đồng

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 280; Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 469, Điều 471 của Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi tiền biêu*" của ông Lã Xuân M đối với bà Lê Thị Kim L.

Xử:

1. Buộc bà Lê Thị Kim L phải trả một lần cho ông Lã Xuân M và bà Nguyễn Thị Diệu L số tiền **339.000.000 đồng (Ba trăm ba mươi chín triệu đồng).**

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 16.950.000đ (Mười sáu triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng) bà Lê Thị Kim L phải chịu.

Hoàn trả cho ông Lã Xuân M số tiền tạm ứng án phí 8.550.000 đồng ông M đã nộp theo biên lai thu số 0006744 ngày 02/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

3. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Sơn Trà;
- Chi cục THA dân sự quận Sơn Trà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hạnh